

THÔNG TƯ

Ban hành Quy định về kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục

Căn cứ Luật giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giáo dục; Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giáo dục;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư Quy định về kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục,

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Quy định về kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2013.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Giám đốc các sở giáo dục và đào tạo, Giám đốc đại học quốc gia, đại học vùng, học viện, Hiệu trưởng trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp, Giám đốc các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục, các kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo TƯ;
- UBVHGDTNTN-NĐ của Quốc hội;
- Hội đồng Quốc gia giáo dục;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc CP;
- Kiểm toán nhà nước;
- Cục KTrVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Như Điều 3;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ PC, Cục KTKĐCLGD.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

(Đã ký)

Bùi Văn Ga

QUY ĐỊNH

Về kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 60 /2012/TT-BGDĐT

ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục (sau đây gọi tắt là kiểm định viên), bao gồm: Tiêu chuẩn; quy trình tuyển chọn kiểm định viên; cấp thẻ, thu hồi thẻ kiểm định viên; trách nhiệm, quyền của kiểm định viên.

2. Văn bản này được áp dụng đối với kiểm định viên cấp học mầm non, phổ thông, trình độ trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Kiểm định viên

Kiểm định viên là người được tuyển chọn, đã hoàn thành chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiểm định viên theo quy định, được cấp thẻ kiểm định viên, thực hiện nhiệm vụ kiểm định chất lượng giáo dục theo yêu cầu của các cơ sở giáo dục và các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khác.

Chương II

**QUY TRÌNH, TIÊU CHUẨN VÀ HỒ SƠ
TUYỂN CHỌN KIỂM ĐỊNH VIÊN**

Điều 3. Các bước tuyển chọn kiểm định viên

1. Bước 1: Hằng năm, Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục xây dựng kế hoạch tuyển chọn kiểm định viên, trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

2. Bước 2: Căn cứ kế hoạch được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt, Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục thông báo kế hoạch tuyển chọn kiểm định viên, tiếp nhận hồ sơ đăng ký, tổ chức xét duyệt hồ sơ và công bố danh sách những ứng viên đủ điều kiện dự tuyển trên trang thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Bước 3: Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục thành lập Hội đồng tuyển chọn kiểm định viên.

4. Bước 4: Hội đồng tuyển chọn kiểm định viên tổ chức kiểm tra, sát hạch thông qua phỏng vấn hoặc thực hành về năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển. Điểm phỏng vấn hoặc thực hành được tính theo thang điểm 100.

5. Bước 5: Hội đồng tuyển chọn kiểm định viên xác định người trúng tuyển. Người trúng tuyển phải có đủ các điều kiện sau:

- a) Có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 4 của Quy định này;
- b) Có điểm kiểm tra, sát hạch từ 50 điểm trở lên;

c) Kết quả tuyển chọn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu. Trường hợp có từ 2 người trở lên có điểm kiểm tra, sát hạch bằng nhau thì Chủ tịch Hội đồng quyết định tuyển chọn theo thứ tự ưu tiên: Người có trình độ chuyên môn cao hơn; người có thâm niên công tác trong ngành giáo dục nhiều hơn; người có chứng chỉ hoặc văn bằng trình độ ngoại ngữ ở cấp độ cao hơn; nếu không chọn được người trúng tuyển theo chỉ tiêu cuối cùng thì Chủ tịch Hội đồng báo cáo Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục quyết định;

d) Không thực hiện việc bảo lưu kết quả cho các kỳ tuyển chọn lần sau.

6. Bước 6: Thông báo kết quả:

a) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kiểm tra, sát hạch, Chủ tịch Hội đồng tuyển chọn kiểm định viên phải niêm yết công khai kết quả tuyển chọn tại trụ sở làm việc và trên trang thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày công bố kết quả tuyển chọn kiểm định viên, người dự tuyển có quyền gửi đơn đề nghị phúc khảo kết quả sát hạch và tuyển chọn. Chủ tịch Hội đồng tuyển chọn kiểm định viên tổ chức chấm phúc khảo và công bố kết quả chấm phúc khảo trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn nhận đơn phúc khảo.

7. Bước 7: Sau khi thực hiện các quy định từ khoản 1 đến khoản 6 của Điều này, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Chủ tịch Hội đồng tuyển chọn kiểm định viên lập danh sách các ứng viên được tuyển chọn trình Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục ra quyết định tuyển chọn kiểm định viên; niêm yết công khai danh sách tại trụ sở làm việc và trên trang thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả tuyển chọn kiểm định viên.

Điều 4. Tiêu chuẩn kiểm định viên

1. Có phẩm chất đạo đức tốt, đủ sức khỏe đáp ứng yêu cầu công việc.

2. Về trình độ chuyên môn:

a) Có bằng đại học trở lên đối với kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục mầm non, phổ thông;

b) Có bằng thạc sĩ trở lên đối với kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp.

3. Về thâm niên công tác:

a) Là giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục hoặc đã từng là giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, có thời gian giảng dạy hoặc làm công tác quản lý giáo dục mầm non, phổ thông từ 5 năm trở lên đối với kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục mầm non, phổ thông;

b) Là giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục hoặc đã từng là giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục, có thời gian giảng dạy hoặc làm công tác quản lý giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp từ 10 năm trở lên đối với kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp.

4. Am hiểu pháp luật, chế độ, chính sách về giáo dục.

5. Có chứng chỉ hoàn thành chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiểm định viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Có chứng chỉ Tin học trình độ B trở lên.

7. Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương cấp độ B1 hoặc bậc 3/6 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu về ngoại ngữ.

Điều 5. Hồ sơ, nội dung, hình thức tuyển chọn kiểm định viên

1. Hồ sơ tuyển chọn:

a) Đơn đăng ký dự tuyển (Phụ lục I) kèm theo 4 ảnh màu cỡ 3x4 cm theo kiểu ảnh giấy chứng minh nhân dân được chụp trong thời gian không quá 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ;

b) Sơ yếu lý lịch (Phụ lục II) có xác nhận của thủ trưởng cơ quan, tổ chức nơi công tác hoặc của ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn nơi thường trú đối với người dự tuyển không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức tính đến thời điểm dự tuyển;

c) Bản sao hợp lệ văn bằng, chứng chỉ;

d) Giấy chứng nhận sức khỏe do trung tâm y tế cấp huyện hoặc cấp tương đương trở lên cấp trong thời gian không quá 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.

2. Nội dung tuyển chọn:

Năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ kiểm định chất lượng giáo dục của người dự tuyển.

3. Hình thức tuyển chọn:

Xét hồ sơ tuyển chọn; kiểm tra, sát hạch thông qua phỏng vấn hoặc viết và thực hành.

4. Những người thuộc một trong những trường hợp sau đây thì không được nộp hồ sơ tuyển chọn:

a) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc đã bị kết án mà chưa được xoá án tích;

b) Đang phải chấp hành biện pháp cưỡng chế đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

c) Bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự;

d) Bị áp dụng hình thức kỷ luật từ cảnh cáo trở lên (đối với người dự tuyển là cán bộ, công chức, viên chức nhà nước).

Điều 6. Hội đồng tuyển chọn kiểm định viên

1. Thành lập Hội đồng:

a) Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục quyết định thành lập Hội đồng tuyển chọn kiểm định viên;

b) Hội đồng có không quá 9 thành viên, bao gồm Chủ tịch và các Phó Chủ tịch hội đồng là lãnh đạo Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục; các thành viên Hội đồng là lãnh đạo và chuyên viên của các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, các chuyên gia về đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục, trong đó có ít nhất 1/3 số thành viên Hội đồng là chuyên gia về đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục;

c) Hội đồng có tổ thư ký giúp việc bao gồm các chuyên viên của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục và các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Hội đồng được phép sử dụng con dấu của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục trong thời gian hoạt động.

2. Nhiệm vụ của Hội đồng:

- a) Tổ chức kiểm tra, sát hạch người dự tuyển;
- b) Đề nghị Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục phê duyệt danh sách trúng tuyển kiểm định viên;
- c) Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình tổ chức tuyển chọn theo quy định của pháp luật.

3. Quyền hạn:

Chủ tịch Hội đồng được quyền quyết định nội dung tuyển chọn và hình thức tuyển chọn.

4. Hội đồng tuyển chọn kiểm định viên làm việc theo nguyên tắc tập thể, kết luận theo đa số khi được ít nhất 2/3 số thành viên của Hội đồng nhất trí thông qua.

Chương III

CẤP THẺ, THU HỒI THẺ KIỂM ĐỊNH VIÊN

Điều 7. Thẩm quyền cấp thẻ, thu hồi thẻ kiểm định viên

Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục có thẩm quyền cấp thẻ và thu hồi thẻ kiểm định viên.

Điều 8. Cấp thẻ kiểm định viên

1. Thẻ kiểm định viên được cấp cho người đạt yêu cầu tuyển chọn kiểm định viên theo quy định tại Điều 3 của Quy định này.

2. Thẻ kiểm định viên (Phụ lục III) có giá trị sử dụng 5 năm kể từ ngày cấp.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ra quyết định tuyển chọn kiểm định viên, Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục cấp thẻ kiểm định viên cho người được tuyển chọn.

4. Thẻ kiểm định viên có giá trị pháp lý để đăng ký hành nghề kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định tại Điều 13 của Quy định này.

5. Những người thuộc một trong những trường hợp được quy định tại khoản 4 Điều 5 của Quy định này thì không được cấp thẻ kiểm định viên.

Điều 9. Thu hồi thẻ kiểm định viên

Những người được cấp thẻ kiểm định viên bị thu hồi thẻ trong những trường hợp sau:

1. Có hành vi gian lận để được tuyển chọn kiểm định viên;
2. Thuộc một trong các trường hợp không được cấp thẻ kiểm định viên;
3. Có ý đưa ra kết quả kiểm định chất lượng giáo dục không khách quan, không trung thực hoặc vi phạm một trong những hành vi bị nghiêm cấm đối với kiểm định viên được quy định tại Điều 14 của Quy định này.

Điều 10. Cấp lại thẻ kiểm định viên

1. Thẻ kiểm định viên được cấp lại trong các trường hợp sau:

- a) Thẻ hết thời hạn sử dụng theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 của Quy định này;
- b) Thẻ bị hư hỏng hoặc bị mất.

2. Hồ sơ đề nghị cấp lại thẻ kiểm định viên gồm:

- a) Đơn đề nghị của kiểm định viên (nêu lý do đề nghị cấp lại);
- b) Bản kê khai những hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục có sự tham gia của

kiểm định viên, có xác nhận của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục trong 2 năm gần nhất;

c) Thẻ kiểm định viên cũ, hỏng hoặc hết thời hạn sử dụng.

3. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục cấp lại thẻ hoặc thông báo bằng văn bản trong trường hợp không cấp lại thẻ và nêu rõ lý do.

4. Thẻ được cấp lại do bị mất hoặc bị hỏng có giá trị sử dụng theo thời hạn của thẻ được cấp lần đầu.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN VÀ ĐIỀU KIỆN HÀNH NGHỀ CỦA KIỂM ĐỊNH VIÊN

Điều 11. Trách nhiệm của kiểm định viên

1. Tuân thủ các nguyên tắc và quy định về kiểm định chất lượng giáo dục.
2. Thực hiện đúng các điều khoản của hợp đồng kiểm định chất lượng giáo dục.
3. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, không gây trở ngại hoặc can thiệp vào công việc điều hành của cơ sở giáo dục.
4. Thực hiện kiểm định khách quan, trung thực.
5. Đảm bảo bí mật kết quả kiểm định trước khi công bố.
6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục về kết quả đánh giá và ý kiến nhận xét của mình trong báo cáo đánh giá ngoài.
7. Lưu trữ hồ sơ, tài liệu về phần công việc kiểm định chất lượng giáo dục do mình thực hiện.
8. Thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Quyền của kiểm định viên

1. Trong thời gian tham gia kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục hoặc chương trình giáo dục, kiểm định viên có các quyền sau:
 - a) Độc lập về chuyên môn nghiệp vụ;
 - b) Yêu cầu cơ sở giáo dục đăng ký kiểm định cung cấp đầy đủ, kịp thời các tài liệu, thông tin về lĩnh vực kiểm định theo yêu cầu nhiệm vụ được giao;
 - c) Được tạo các điều kiện cần thiết để thực hiện nhiệm vụ;
 - d) Hưởng tiền công, thù lao của kiểm định viên theo quy định.
2. Được quyền từ chối thực hiện kiểm định chất lượng đối với cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục nếu xét thấy cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục đó không có đủ điều kiện pháp lý để thực hiện.
3. Tham gia các tổ chức nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Điều kiện hành nghề của kiểm định viên

1. Cá nhân đáp ứng đủ các điều kiện sau đây thì được hành nghề kiểm định chất lượng giáo dục:
 - a) Có thẻ kiểm định viên còn giá trị sử dụng;

b) Làm việc cho một tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục được thành lập và hoạt động theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Kiểm định viên không được tham gia kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục hoặc chương trình giáo dục trong các trường hợp sau:

a) Có quan hệ góp vốn hoặc mua cổ phần tại cơ sở giáo dục đăng ký kiểm định;

b) Có bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột là thành viên trong ban lãnh đạo cơ sở giáo dục.

Điều 14. Các hành vi nghiêm cấm đối với kiểm định viên

1. Nhận bất kỳ một khoản tiền hoặc lợi ích nào khác từ cơ sở giáo dục đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục.

2. Cho thuê, cho mượn thẻ kiểm định viên.

3. Tiết lộ thông tin về cơ sở giáo dục đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục trong quá trình thực hiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục, trừ trường hợp được cơ sở giáo dục đó đồng ý hoặc pháp luật cho phép.

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước liên quan đến kiểm định viên.

2. Thực hiện việc tuyển chọn kiểm định viên, cấp thẻ kiểm định viên, thu hồi thẻ kiểm định viên theo quy định tại các Điều 3, 5, 6, 7, 8, 9 và 10 của Quy định này.

3. Tổ chức bảo quản, lưu trữ an toàn hồ sơ, tài liệu liên quan đến công tác tuyển chọn kiểm định viên theo quy định hiện hành.

4. Công bố công khai danh sách kiểm định viên và thời gian hiệu lực của thẻ kiểm định viên; danh sách thu hồi thẻ kiểm định viên và thời điểm thu hồi thẻ kiểm định viên trên trang thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 16. Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục

1. Lập kế hoạch tuyển dụng kiểm định viên hằng năm và gửi Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục để Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục xây dựng kế hoạch tuyển chọn kiểm định viên.

2. Căn cứ danh sách kiểm định viên đã được tuyển chọn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chủ động tuyển dụng kiểm định viên theo nhu cầu hoạt động của tổ chức.

3. Chịu trách nhiệm quản lý các kiểm định viên đăng ký làm việc tại tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục theo Quy định này và các quy định khác có liên quan.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

(Đã ký)

Bùi Văn Ga

PHỤ LỤC I

Mẫu đơn đăng ký dự tuyển kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục

(Kèm theo Thông tư số 60 /2012/QĐ-BGDĐT

ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

KIỂM ĐỊNH VIÊN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Kính gửi: Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục,
Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Họ và tên:.....Nam/Nữ.....
2. Ngày, tháng, năm sinh:.....
3. Dân tộc:.....
4. Quê quán:.....
5. Hộ khẩu thường trú:
6. Chỗ ở hiện nay:
7. Điện thoại liên lạc:

Sau khi nghiên cứu tiêu chuẩn tuyển chọn kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục, tôi thấy bản thân có đủ tiêu chuẩn để tham dự tuyển. Vì vậy, tôi làm đơn này xin đăng ký dự tuyển tại Hội đồng tuyển chọn kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục.

Tôi xin gửi kèm theo đơn này hồ sơ dự tuyển gồm:

1. Bản sơ yếu lý lịch;
2. Giấy chứng nhận sức khỏe;
3. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ;
4. 02 phong bì, 04 ảnh màu cỡ 3x4 cm theo kiểu ảnh giấy chứng minh nhân dân.

Tôi xin cam đoan hồ sơ dự tuyển của tôi là sự thật, đúng và đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự tuyển. Nếu sai, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

..... ngày..... tháng..... năm.....

Người viết đơn

(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC II

Mẫu sơ yếu lý lịch của người xin dự tuyển kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục

(Kèm theo Thông tư số 60 /2012/QĐ-BGDĐT

ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Ảnh mẫu
(3x4)

SƠ YẾU LÝ LỊCH

I. Thông tin chung

Họ và tên (Chữ in hoa có dấu): Nam/ Nữ

Ngày tháng năm sinh:

Dân tộc:.....

Quê quán:.....

Chỗ ở hiện nay:.....

Đơn vị công tác:..... Chức vụ:

Học hàm, học vị:.....

Địa chỉ đơn vị công tác hiện nay :.....

II. Tóm tắt quá trình công tác và đào tạo

1. Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ:

2. Trình độ ngoại ngữ:

3. Trình độ tin học:

4. Các khóa đào tạo, bồi dưỡng kiểm định viên đã hoàn thành:

| TT | Tên khoá đào tạo, bồi dưỡng | Thời gian đào tạo, bồi dưỡng | | Nơi đào tạo, bồi dưỡng |
|-----|-----------------------------|------------------------------|-----|------------------------|
| | | Từ | Đến | |
| 1. | | | | |
| 2. | | | | |
| ... | | | | |

5. Quá trình công tác:

| TT | Nội dung và nơi làm việc | Thời gian | | Ghi chú |
|-----|--------------------------|-----------|-----|---------|
| | | Từ | Đến | |
| 1. | | | | |
| 2. | | | | |
| ... | | | | |

6. Tổng thời gian giảng dạy hoặc làm công tác quản lý trong ngành giáo dục: năm.

Tôi xin cam đoan những nội dung trên là đúng sự thực, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm./.

....., ngày...tháng...năm...

Xác nhận

(Xác nhận của thủ trưởng cơ quan, tổ chức nơi làm việc hoặc của chính quyền địa phương nơi cư trú)

Người khai

(Ký và ghi rõ họ, tên)

PHỤ LỤC III

Mẫu thẻ kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục

(Kèm theo Thông tư số 60 /2012/QĐ-BGDĐT

ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Kích thước: 7,0 cm x 10,0 cm.
2. Đặc điểm chính: Thẻ có hai mặt được ghi bằng tiếng Việt, tiếng Anh.
 - a) Mặt trước của thẻ

| | |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</u> |
| CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC DEPARTMENT OF EDUCATION TESTING AND ACCREDITATION | |
| <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 10px auto;">Ảnh màu (photo) 3 x 4</div> | THẺ KIỂM ĐỊNH VIÊN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC (EDUCATION ACCREDITOR) |
| Có hạn of expiry | Số/Number:..... Họ, tên/ Full Name: Ngày sinh/Date of Birth: Quê quán/Home Town: |
| | <i>Hà Nội, ngày/ date tháng/ month năm/ year 20....</i> |
| | CỤC TRƯỞNG DIRECTOR GENERAL |

Trong đó:

- Mặt trước thẻ màu hồng, nền có Quốc huy, chữ chìm KĐCLGD;
- Tên tiêu đề của nước Việt Nam (tiếng Việt, chữ đen);
- Tên cơ quan cấp thẻ (tiếng Việt và tiếng Anh, chữ đen);
- Tên thẻ: “Thẻ kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục” (tiếng Việt và tiếng Anh, chữ đỏ);
- Số thẻ (chữ đen);
- Họ, tên, ngày sinh, quê quán của người được cấp thẻ (tiếng Việt, chữ đen);

- Nơi cấp, thời gian cấp thẻ (tiếng Việt, chữ đen);
- Người cấp thẻ: “**CỤC TRƯỞNG**” (tiếng Việt và tiếng Anh, chữ đen);
- Chữ ký của người có thẩm quyền cấp thẻ và dấu của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục;

- Bên trái là ảnh màu cỡ 3x4 cm theo kiểu ảnh giấy chứng minh nhân dân của kiểm định viên có đóng dấu giáp lai của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục.

b) Mặt sau của thẻ

Trách nhiệm của kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục

1. Sử dụng thẻ để thực hiện các hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục hoặc để đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật.
2. Giữ gìn cẩn thận; không làm mất, hư hỏng, sửa chữa, tẩy xóa thẻ.
3. Không cho thuê, cho mượn hoặc cho các tổ chức, cá nhân khác sử dụng thẻ kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục của mình để thực hiện các hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục.
4. Không sử dụng thẻ kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục vào các mục đích khác mà pháp luật không quy định.

Responsibilities of accreditor

1. To practise business in an accreditation agency or to establish such an agency under the law.
2. To keep this card carefully, which should not be subject to loss, damage, modification or erasure.
3. Lending of this card or letting grantee's name for accreditation practice is strictly prohibited.
4. Use of this card in other practices other than those promulgated by laws.

Trong đó:

- + Mặt sau thẻ màu hồng, nền có hình Quốc huy chìm.
- + Nội dung (tiếng Việt và tiếng Anh, chữ màu đen)/.